

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 3 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 69/QĐ-TTBVTV ngày 14/10/2025
của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý 3 năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 2 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	0	283.877.095	-	-
1	Phí	43.733.875	283.877.095	-	-
	Phí thẩm định đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	43.733.875	283.877.095	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	43.540.000	-	-
1	Phí	0	43.540.000	-	-
	Phí thẩm định đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	0	43.540.000	-	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.692.198.852	7.720.426.856		-
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.692.198.852	7.720.426.856		-
1	Đào tạo khác trong nước-083	5.000.000	4.446.000		
2	Chi quản lý hành chính - 340	5.425.225.256	2.766.992.742		-
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ - 340/13	4.933.502.256	2.766.326.742	56,07	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - 340/12	215.723.000	666.000	0,31	
2.3	Cải cách tiền lương - 340/14	54.000.000	0	-	
2.4	Quỹ tiền thưởng	222.000.000	0	-	
3	Chi sự nghiệp khoa học và CN				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế -280 (Sự nghiệp Nông nghiệp)	5.900.276.529	4.948.988.114		

S T T	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý 3 năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 2 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ - 280/13	5.299.832.799	4.695.378.214	88,59	
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - 280/12	540.772.730	253.609.900	46,90	
6.3	Cải cách tiền lương - 280/14	59.671.000	0	-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chương trình mục tiêu (Y tế-Dân số)				
11	Chi thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 178	2.361.697.067	0		
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0		